

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 09- 2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngân

Ông Nguyễn Tấn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 42, ấp S, xã S, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà V và ông H tự nguyện tìm hiểu chung sống như vợ chồng từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên đi làm xa, mỗi người một nơi, tình trạng kéo dài dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm phai nhạt và chính thức sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Sỹ H.

Về con chung: Bà V và ông H có 06 con chung là Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Sỹ H đồng ý với trình bày của bà Nguyễn Thị V về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông và bà V sống chung như vợ chồng từ năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà V muốn ly hôn ông H cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Sỹ H có 06 con chung là Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Bà V và ông H sống chung như vợ chồng từ năm 1985, bà V và ông H có 06 người con gồm Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Trong quá trình chung sống, bà V và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Về con chung: Bà V và ông H có 06 con chung là Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994;

Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; nơi cư trú hiện nay của ông Hồ Sỹ H là tại Tổ 42, Ấp S, xã S, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Sỹ H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1985, nhưng không đăng ký kết hôn và có 06 người con chung Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Căn cứ Nghị quyết về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông H được xác lập trước ngày 03/1/1987 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà V và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Từ năm 2008 cho đến nay, bà V và ông H đã ly thân, không sống cùng với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà V và ông H đề nghị Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Sỹ H ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Sỹ H được thuận tình ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà V và ông H có 06 con chung là cháu Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà V và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Hồ Sỹ H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Sỹ H được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà V và ông H có 06 con chung là cháu Hồ Sỹ T, sinh năm 1986; Hồ Thị L, sinh năm 1989; Hồ Phi C, sinh năm 1993; Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1994; Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1997; Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0001248 ngày 09/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Như vậy, bà V đã nộp xong.

3. Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Châu Đức
- TAND tỉnh BR-VT.
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Hạnh